



Số / N. di serie
218/UBND-TP
Mã QR: HN-2026-SPX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN

Certificato che attesta lo stato civile ("certificato di celibato/nubilato") - Modulo TP/HT-2020-TTHN ai sensi della Legge sullo stato civile, del Decreto n. 123/2015/NĐ-CP e della Circolare n. 04/2020/TT-BTP

I. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC XÁC NHẬN

① Họ, chữ đệm, tên <i>Nome completo</i>	JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE
Ngày, tháng, năm sinh <i>Data di nascita</i>	12/06/1985
Giới tính <i>Sesso</i>	Nam
Quốc tịch <i>Nazionalità</i>	Pháp (France) — cá nhân nước ngoài
Hộ chiếu số <i>N. di passaporto</i>	00 SPECIMEN 00
Nơi cư trú <i>Luogo di residenza</i>	Căn 1804, chung cư THE LAKE VIEW <specimen>, KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

II. NỘI DUNG XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN / Dichiarazione dello stato civile

② Thời gian cư trú được xác nhận <i>Periodo di residenza attestato</i>	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 10/03/2026
③ Tình trạng hôn nhân trong thời gian nêu trên <i>Stato civile durante tale periodo</i>	Chưa đăng ký kết hôn với ai
Tình trạng hôn nhân tại thời điểm cấp Giấy <i>Stato civile al momento del rilascio</i>	Hiện tại: Chưa đăng ký kết hôn

III. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ GIÁ TRỊ CỦA GIẤY / Scopo e validità

④ Giấy này được cấp để <i>Il presente certificato è rilasciato per</i>	Sử dụng làm thủ tục xác lập tài sản riêng khi nhận chuyển nhượng bất động sản tại Việt Nam
⑤ Giá trị sử dụng <i>Periodo di validità</i>	06 tháng kể từ ngày cấp — đến hết ngày 10/09/2026

⑥ Số vào sổ hộ tịch *N. di iscrizione nel registro di stato civile*:
XN 00218 / 2026



⑦ Verificare la validità - specimen

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2026
UBND PHƯỜNG XUÂN TẢO, QUẬN BẮC TỪ
LIÊM, TP. HÀ NỘI
CHỦ TỊCH UBND



Il *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân* (Certificato di celibato/nubilato / di stato civile), campo per campo

Questo certificato dimostra che l'acquirente è celibe/nubile, consentendo di registrare l'immobile come proprietà personale separata anziché come bene comune coniugale. I riferimenti ①–⑦ rimandano al facsimile della pagina precedente. Documento specimen — dati fittizi.

① Identità — *Họ, chữ đệm, tên, quốc tịch, hộ chiếu*

Il nome, la nazionalità e il numero di passaporto del titolare devono **corrispondere esattamente** all'identità utilizzata nel contratto di compravendita e nel fascicolo del registro fondiario.

RED FLAG Il nome o il numero di passaporto differisce dal contratto di vendita, oppure l'ortografia non è coerente con il passaporto.

② Periodo di residenza — *Thời gian cư trú được xác nhận*

L'intervallo di date esatto che il quartiere conferma come coperto. Deve sovrapporsi alla carta di soggiorno / al visto effettivi dell'acquirente e avvicinarsi alla data della firma.

RED FLAG Scarto tra il periodo confermato e la data della transazione, oppure indirizzo non corrispondente alla residenza effettiva dell'acquirente.

③ Stato civile dichiarato — *Tình trạng hôn nhân: Chưa đăng ký kết hôn với ai*

La dichiarazione centrale: durante il periodo coperto non risulta alcun matrimonio registrato. È ciò che consente di trattare il futuro immobile come **bene personale** dell'acquirente.

RED FLAG Qualsiasi menzione di un matrimonio, di un divorzio o del nome di un coniuge che non trovi riscontro altrove nel fascicolo.

④ Finalità d'uso — *Giấy này được cấp để*

Un certificato vietnamita di stato civile è valido solo per la **finalità esattamente indicata**. Un certificato rilasciato “per il matrimonio” non può essere riutilizzato per una transazione immobiliare — il notaio o l'ufficio del registro fondiario lo respingerà.

RED FLAG La finalità indicata non è collegata alla transazione immobiliare, oppure è lasciata in bianco.

⑤ Periodo di validità — *Giá trị sử dụng: 06 tháng*

A differenza del Libro Rosa, questo documento scade rapidamente: solo **6 mesi dalla data di rilascio** (Decreto 123/2015). In caso di ritardo nella firma, deve essere rinnovato.

RED FLAG Il certificato è già scaduto il giorno in cui viene firmato il contratto di vendita o l'atto notarile.

⑥ Numero di registrazione — *Số vào sổ hộ tịch*

Numero di iscrizione nel registro di stato civile del Comitato popolare (UBND) emittente. Consente di verificare il certificato presso l'ufficio del quartiere che lo ha rilasciato.

⑦ QR e numero di serie — *Số, mã QR*

I certificati recenti recano un numero di serie e un QR di verifica. Su un documento autentico devono corrispondere al registro del quartiere emittente.

RED FLAG QR assente, oppure numero di serie incoerente con la voce di registro stampata.